

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HS-ST

Ngày: 22-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Ánh

Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Ngô Chí T, sinh ngày 30/12/1990 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: Khóm B, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Chí C và bà Nguyễn Thị Thu N; có vợ Nguyễn Thị Ngọc M và có 02 con (sinh năm 2013 và sinh năm 2016); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/01/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 16/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 09/01/2021 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Lê Minh G, sinh ngày 10/5/1993 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số A, Lý Thường K, tổ I, khóm D, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Mai L; chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: Nguyễn Tấn T1, sinh ngày 06/5/1991 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P và bà Từ Thị Mỹ L1; có vợ Nguyễn Thị Thái H1 (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/8/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 08/3/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại: Anh Nguyễn Hy N1*, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Lê Văn Q**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ 02, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

3. Anh **Đoàn M1**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số G, tổ I, khu phố A, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Anh **Đàm Quang T2**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Lô 9, chung cư K, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Chí T, Lê Minh G, Nguyễn Tấn T1 là bạn bè với nhau. Để có tiền tiêu xài T, G và T1 đã bàn bạc thống nhất thuê xe ô tô để làm phương tiện cùng nhau đi trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài. Cả ba đều đồng ý và giao nhiệm vụ cho G thuê xe ô tô và canh đường, còn T1 chuẩn bị công cụ đem theo và cùng T thực hiện hành vi lấy trộm tài sản.

Vào khoảng 23 giờ ngày 08/6/2023, Lê Minh G thuê xe ô tô biển số 66A-168.08, loại xe Innova của ông Dương Huyền T3 chở Ngô Chí T và Nguyễn Tấn T1 đi, khi đi có đem theo công cụ gồm 01 túi xách bên trong có 02 cây kiếm cộng lực, 02 cây sắt (dùng để cạy lốp xe tải) và 02 cây tua vít. G điều khiển xe ô tô đi dọc theo các tuyến đường Quốc lộ từ thành phố S, tỉnh Đồng Tháp đến huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm.

Đến khoảng 02 giờ rạng sáng ngày 09/6/2023, G điều khiển xe ô tô 66A-168.08 chở T1 và T đến đoạn đường thuộc ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì phát hiện nhà của anh Nguyễn Hy N1 ở gần đường lộ, cửa làm bằng kính dễ cạy khóa nên G dừng xe lại canh đường, còn T và T1 đi vào nhà dùng cây vít cạy ổ khóa mở cửa nhà rồi T đi vào trong nhà lấy trộm xe mô tô biển số 64K1- 367.93, loại xe

Exciter màu vàng đen dẫn ra ngoài đưa cho T1, tiếp đó T quay vào nhà tiếp tục lấy trộm thêm chiếc xe mô tô biển số 84L1 - 733.89, loại xe Vario màu đen dẫn ra khỏi nhà.

Sau khi lấy trộm được 02 xe mô tô Giàu điều khiển xe ô tô, còn T1 thì điều khiển xe mô tô biển số 64K1- 367.93 và T điều khiển xe mô tô biển số 84L1-733.89 cùng đi về nhà trọ Thanh thuê ở khu vực thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cất giấu 02 xe mô tô vừa lấy trộm được. Đến 16 giờ ngày 09/6/2023, G điều khiển xe biển số 64K1 - 367.93 trộm được đến khu vực huyện C, tỉnh Tiền Giang bán cho người tên T4 (không rõ địa chỉ cụ thể) với số tiền là 8.000.000 đồng; còn T1 và T đem xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 đi bán cho anh Đoàn M1, sinh năm 1991 ở khu phố A, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 12.000.000 đồng. Số tiền bán 02 xe mô tô trộm cắp có được thì T, G và T1 đã chia nhau tiêu xài hết.

Sau khi anh Đoàn M1 mua xe mô tô biển số 84L1 - 733.89, anh M1 đem xe đến tiệm cầm đồ “286” ở ấp B, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cầm xe cho anh Đàm Quang T2 (chủ tiệm cầm đồ) với số tiền là 20.200.000 đồng.

Qua điều tra Nguyễn Tấn T1, Lê Minh G, Ngô Chí T đã thừa nhận trộm cắp 02 xe mô tô tại nhà của anh Nguyễn Hy N1 như đã nêu trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã thu hồi được xe mô tô biển số 84L1 - 733.89; còn xe mô tô biển số 64K1 - 367.93, loại xe Exciter màu vàng đen chưa thu hồi được.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 22/KLĐGTS ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Vĩnh Long kết luận xe mô tô biển số 84L1 - 733.89, loại xe Vario 125 màu đen có giá trị là 30.000.000 đồng; xe mô tô biển số 64K1 - 367.93, loại xe Exciter màu vàng đen, có giá trị là 12.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của 02 xe là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Xét thấy đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Tấn T1, Lê Minh G, Ngô Chí T về tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre để điều tra.

Ngoài ra, Nguyễn Tấn T1 còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở huyện M, tỉnh Bến Tre. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã bắt, khởi tố Nguyễn Tấn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Bến Tre. Còn T và G thì cướp tài sản ở địa bàn thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V bắt, khởi tố Ngô Chí T và Lê Minh G về tội “Cướp tài sản” và tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Đối với 01 xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 của chị Nguyễn Thị Hồng Đ đã được Cơ quan điều tra thu hồi về định giá và đã trả lại cho chị Đ cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.

Đối với 01 xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 của anh Lê Văn Q gửi tại nhà anh Nguyễn Hy N1 bị mất trộm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết

định truy tìm nhưng không thu hồi được, anh Nguyễn Hy N1 đã bồi thường giá trị chiếc xe bị mất trộm cho anh Q với số tiền 38.000.000 đồng.

Đối với anh Đoàn M1, không biết được xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 mà Tạo bán là xe do trộm cắp mà có; anh Đàm Quang T2 cũng không biết xe do anh M1 cầm là do trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý anh M1, anh T2.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu T5 là người anh Đoàn M1 nhờ đi cầm xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 và ông Dương Huyền T3 cho G thuê xe ô tô biển số 66A - 168.08 hiện tại không có mặt ở địa phương, cơ quan điều tra Công an huyện B đang xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với người thanh niên tên T4 mua xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 do G, T và T1 trộm cắp có được, nhưng G không biết tên và địa chỉ ở đâu, Cơ quan điều tra Công an huyện B đang xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Hồng Đ sau khi nhận lại xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, chị Đ không yêu cầu gì thêm.

Anh Lê Văn Q sau khi nhận tiền bồi thường xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 số tiền 38.000.000 đồng từ anh Nguyễn Hy N1, anh Q không yêu cầu gì thêm.

Anh Nguyễn Hy N1 yêu cầu Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 bị mất trộm với số tiền là 38.000.000 đồng. Tạo, G và T1 đồng ý liên đới bồi thường nhưng chưa bồi thường.

Anh Đoàn M1 tự nguyện không yêu cầu T, G và T1 phải trả lại cho anh M1 số tiền đã mua xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 là 12.000.000 đồng. Xét thấy đây là tiền T, G và T1 thu lợi bất chính từ bán xe trộm cắp có được, cần buộc T, G và T1 liên đới nộp số tiền 12.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Anh Đàm Quang T2 tự nguyện không yêu cầu anh Đoàn M1 phải trả lại số tiền cầm xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 là 20.200.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 72/CT-VKSBT ngày 31/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt chính:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Chí T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh G từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T1 từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo T, G và T1.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Hồng Đ sau khi nhận lại xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, chị Đ không yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Lê Văn Q sau khi nhận tiền bồi thường xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 số tiền 38.000.000 đồng từ anh Nguyễn Hy N1, anh Q không yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 của anh Lê Văn Q gửi tại nhà anh Nguyễn Hy N1 bị mất trộm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định truy tìm nhưng không thu hồi được. Anh Nguyễn Hy N1 yêu cầu các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 bị mất trộm với số tiền là 38.000.000 đồng. Các bị cáo T, G và T1 đồng ý liên đới bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 liên đới bồi thường số tiền 38.000.000 đồng cho anh Nguyễn Hy N1.

Anh Đoàn M1 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo T, G và T1 phải trả lại cho anh M1 số tiền đã mua xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 là 12.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Đoàn M1.

Anh Đàm Quang T2 tự nguyện không yêu cầu anh Đoàn M1 trả lại số tiền cầm xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 là 20.200.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Đàm Quang T2.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.

Xét thấy, số tiền 12.000.000 đồng là tiền các bị cáo T, G và T1 thu lợi bất chính từ bán xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 có được, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo T, G và T1 liên đới nộp số tiền 12.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 mỗi bị cáo nộp số tiền 633.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố. Các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 biết rõ hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, hứa sẽ không tái phạm.

Bị hại anh Nguyễn Hy N1 trình bày: Xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ nên anh Nguyễn Hy N1 không có ý kiến và yêu cầu gì thêm; còn xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 của anh Lê Văn Q gửi tại nhà anh Nguyễn Hy N1 bị mất trộm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định truy tìm nhưng không thu hồi được. Anh Nguyễn Hy N1 đã bồi thường cho anh Lê Văn Q số tiền 38.000.000 đồng và yêu cầu các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 liên đới bồi thường lại cho anh H2 Nóc số tiền 38.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự anh Nguyễn Hy N1 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1. Ngoài ra anh Hy N1 không yêu cầu gì thêm.

Các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 cùng nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm trở về lo cho gia đình và có điều kiện sửa đổi bản thân, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử

theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

[3] Xét lời khai nhận của các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Sau khi bàn bạc và thống nhất với nhau việc thuê xe ô tô và mang theo công cụ để đi tìm tài sản lấy trộm, đến khoảng 23 giờ ngày 08/6/2023 bị cáo Lê Minh G điều khiển ô tô biển số 66A-168.08 chở bị cáo Ngô Chí T và bị cáo Nguyễn Tấn T1 đi từ thành phố S, tỉnh Đồng Tháp đến huyện B, tỉnh Vĩnh Long để tìm tài sản lấy trộm.

Đến khoảng 02 giờ rạng sáng ngày 09/6/2023, bị cáo G điều khiển xe ô tô chở bị cáo T1 và bị cáo T đến đoạn đường thuộc ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì phát hiện nhà của anh Nguyễn Hy N1 ở gần đường lộ, cửa làm bằng kính dễ cạy khóa nên bị cáo G dừng xe lại cạnh đường, còn bị cáo T và bị cáo T1 đi vào dùng cây vít mang theo cạy ô khóa mở cửa nhà của anh H2 Nóc lấy trộm xe mô tô biển số 64K1- 367.93 và xe mô tô biển số 84L1-733.89 dẫn đem ra ngoài.

Sau khi lấy trộm được 02 xe mô tô thì các bị cáo điều khiển xe về nhà trọ của bị cáo T1 thuê ở khu vực thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cất giấu. Đến 16 giờ ngày 09/6/2023, bị cáo G điều khiển xe mô tô biển số 64K1-367.93 đến khu vực huyện C, tỉnh Tiền Giang bán cho người tên T4 với số tiền là 8.000.000 đồng; còn bị cáo T1 và bị cáo T đem xe mô tô biển số 84L1-733.89 đi bán cho anh Đoàn M1 ở khu phố A, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 12.000.000 đồng.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản xe mô tô biển số 84L1-733.89 có giá trị là 30.000.000 đồng; xe mô tô biển số 64K1-367.93 có giá trị là 12.000.000 đồng. Tổng tài sản 02 xe mô tô có giá trị chung là 42.000.000 đồng.

Đây là vụ án có 03 người tham gia, các bị cáo cấu kết chặt chẽ với nhau, bàn bạc, phân công giao nhiệm vụ trước, cụ thể cho từng người, đã chuẩn bị trước công cụ, phương tiện để phạm tội và các bị cáo chọn thời gian là đêm khuya để thực hiện nên hành vi của các bị cáo T, G và T1 thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

a. Có Tổ chức”.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, nhưng các bị cáo lại lười lao động, chỉ thích hưởng thụ, các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để thực hiện việc lấy trộm tài sản của bị hại có tổng giá trị 42.000.000 đồng. Các bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, tài sản của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân là có tiền để tiêu xài.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có 03 người tham gia, các bị cáo cấu kết chặt chẽ với nhau, đã chuẩn bị trước công cụ, phương tiện để phạm tội và các bị cáo chọn thời gian là đêm khuya để thực hiện nên hành vi của bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức. Trong đó bị cáo G là người đi thuê xe ô tô chuẩn bị phương tiện và làm tài xế chở bị cáo T1 và bị cáo T đi trộm, khi đến nơi trộm bị cáo làm nhiệm vụ canh giới và canh đường nên bị cáo có vai trò giúp sức; còn bị cáo T1 và T giữ vai trò chính, bị cáo T1 chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp cùng bị cáo T đi vào cạy ổ khóa cửa và đột nhập vào nhà bị hại để tìm tài sản lấy trộm. Sau khi các bị cáo lấy trộm được tài sản thì cùng nhau đem về cất giấu và tìm nơi tiêu thụ tài sản lấy trộm được rồi chia tiền ra tiêu xài. Hành vi của các bị cáo T và T1 thực hiện mức độ nguy hiểm hơn bị cáo G; ngoài ra, bị cáo T và bị cáo T1 có nhân thân xấu, từng có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản” mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo T và T1 không ăn năn hối cải mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo T và T1 cao hơn bị cáo G. Chính vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm khắc và cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt sau này và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 đã thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Mặc khác, bị cáo Ngô Chí T có cha là ông Ngô Chí C được nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba nên bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương

xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; do đó, các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện về kinh tế, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, G và T1.

[8] Đối với anh Đoàn M1, không biết được xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 bị cáo T bán là xe do trộm cắp mà có; anh Đàm Quang T2 cũng không biết xe do anh M1 cầm là do trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý anh M1, anh T2 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị Thu T5 là người anh Đoàn M1 nhờ đi cầm xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 và ông Dương Huyền T3 cho bị cáo G thuê xe ô tô biển số 66A - 168.08 hiện tại không có mặt ở địa phương, cơ quan điều tra Công an huyện B đang xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[10] Đối với người thanh niên tên T4 mua xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 do các bị cáo G, T và T1 trộm cắp có được, bị cáo G không biết họ tên và địa chỉ ở đâu, Cơ quan điều tra Công an huyện B đang xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 587, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Hồng Đ sau khi nhận lại xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, chị Đ không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Lê Văn Q sau khi nhận tiền bồi thường xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 số tiền 38.000.000 đồng từ anh Nguyễn Hy N1, anh Q không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 của anh Lê Văn Q gửi tại nhà anh Nguyễn Hy N1 bị mất trộm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định truy tìm nhưng không thu hồi được. Anh Nguyễn Hy N1 yêu cầu các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 64K1 - 367.93 bị mất trộm với số tiền là 38.000.000 đồng. Các bị cáo T, G và T1 đồng ý liên đới bồi thường, nên nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 liên đới bồi thường số tiền 38.000.000 đồng cho anh Nguyễn Hy N1.

Đối với anh Đoàn M1 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo T, G và T1 phải trả lại cho anh M1 số tiền đã mua xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 là 12.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Đoàn M1.

Đối với anh Đàm Quang T2 tự nguyện không yêu cầu anh Đoàn M1 trả lại số tiền cầm xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 là 20.200.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Đàm Quang T2.

[12] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét giải quyết.

Xét thấy, số tiền 12.000.000 đồng là tiền các bị cáo T, G và T1 thu lợi bất chính từ việc bán xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 có được, cần buộc các bị cáo T, G và T1 liên đới nộp số tiền 12.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với biển số xe 68K - 202.79 bị cáo T1 dùng dán lên xe ô tô biển số 66A-168.08 khi đi trộm cắp tài sản để tránh bị phát hiện; công cụ gồm 01 túi xách bên trong có 02 cây kiềm cộng lực, 02 cây sắt (dùng để cạy lốp xe tải) và 02 cây tua vít bị cáo T1 mang theo, đây là các công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đang tạm giữ biển số xe 68K - 202.79 và các công cụ nêu trên chờ xử lý, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[13] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Chí T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Minh G 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 liên đới bồi thường số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) cho anh Nguyễn Hy N1.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đoàn M1 không yêu cầu các bị Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 phải trả lại cho anh M1 số tiền đã mua xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 là 12.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đàm Quang T2 không yêu cầu anh Đoàn M1 trả lại số tiền cầm xe mô tô biển số 84L1 - 733.89 là 20.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 liên đới nộp số tiền 12.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Ngô Chí T, Lê Minh G và Nguyễn Tấn T1 mỗi bị cáo nộp số tiền 633.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an huyện Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Huỳnh Thanh Hùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Ánh Lê Minh Thư

Huỳnh Thanh Hùng